

Bản án số: 52/2024/DS-ST

Ngày 16 - 8 - 2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh

Ông Chu Quốc Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Bùi Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 73/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc Tranh chấp hợp đồng dịch vụ, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2024/QĐXXST-DS ngày 28/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2024/QĐST-DS ngày 28/6/2024; Thông báo mở lại phiên tòa xét xử vụ án số 10/TB-TA ngày 19/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 94/2024/QĐST-DS ngày 26/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đào Việt P, sinh năm 1969 (có mặt);

Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn ông Đào Việt P: Bà Bùi Thị T - Luật sư, Văn phòng luật sư Vì Dân, đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Số 30, ngõ 221, phố Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của Bị đơn bà Nguyễn Thị B: Bà Nguyễn Thị Nhật L, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Thôn B, xã Q, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang (văn bản uỷ quyền ngày 10/5/2024); (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn bà Nguyễn Thị B: Ông Giáp Văn Đ – Luật sư, Công ty luật TNHH Hoàng Phong, đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. Địa chỉ: Số nhà 67, phố Nguyễn Đình Chính, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Bùi Thị D, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số nhà 118, đường V, phường X, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Bùi Văn T, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 11 ngách 291/44 Khuong Trung, phường K, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn ông Đào Viết P trình bày:* Năm 2008 ông được ông Bùi Văn G (chồng của chị B) thuê trồng rừng thuộc tiểu khu Tam Dị và Đông Phú, chủ yếu là trồng cây bạch đàn, cây keo và trông coi rừng trên diện tích rừng mà ông G nhận khoán của Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Lục Nam. Khi thuê không có hợp đồng mà chỉ thoả thuận miệng làm theo kế hoạch và đơn giá từng năm do ông G vạch ra và cử ông làm đội trưởng, ông tự thuê người làm và quản lý một khu vực. Hàng năm đều chốt kế hoạch, xác định các công việc đã làm được và số tiền ông G phải trả cho ông cụ thể. Ngày 02/4/2018 trước sự chứng kiến của Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Lục Nam do ông Nguyễn Văn K Giám đốc đại diện, giữa ông và ông Bùi Văn G đã tổng hợp và thống nhất, ông Bùi Văn G còn nợ ông 212.427.000đ tiền công trồng và chăm sóc rừng.

Sau đó khoảng cuối năm 2018 ông Bùi Văn G chết. Bà Nguyễn Thị B tiếp tục thực hiện công việc của ông G. Tại Biên bản làm việc ngày 02/4/2019 tại Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Lục Nam bà Nguyễn Thị B đã thống nhất sẽ trả ông 212.427.000đ. Nhưng từ đó đến nay bà B chưa trả ông đồng nào, nay ông đề nghị Toà án buộc bà B phải trả ông 212.427.000đ tiền gốc còn nợ và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật, kể từ ngày cam kết trả nợ 02/4/2019 đến ngày xét xử vụ án. Đây là tiền công của ông, do cá nhân bà Bền còn nợ ông không liên quan gì đến vợ con ông, không liên quan đến người nào khác.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị B do bà Nguyễn Thị Nhật L đại diện theo uỷ quyền trình bày:* Năm 2008 ông Bùi Văn G (chồng bà là Giám đốc Công ty TNHH Bền Giang) có thuê ông Đào Viết P là công nhân của Công ty TNHH Bền Giang trồng rừng thuộc tiểu khu Tam Dị, mua thêm đất rừng của các hộ dân để trồng rừng, trông coi rừng trên diện tích rừng là 36,8ha ông G nhận khoán của Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Lục Nam. Cụ thể việc công việc như thế nào giữa ông G và ông P thì bà không biết.

Sau khi ông Bùi Văn G chết. Bà tiếp tục thực hiện công việc của ông G. Bà được tiếp cận hồ sơ giấy tờ liên quan do Công ty TNHH một thành viên Lâm Nghiệp Lục Nam giữ. Trong đó bà được tiếp cận Biên bản làm việc ngày 31/10/2017 giữa ông G với ông P có sự chứng kiến của đại diện Công ty TNHH một thành viên Lâm Nghiệp Lục Nam là Bà Nguyễn Thị Vân A + Biên bản ngày 02/4/2018 giữa ông G với ông P có sự chứng kiến của đại diện Công ty TNHH một thành viên Lâm Nghiệp Lục Nam là ông Nguyễn Văn K. Bà đồng ý với nội dung Biên bản làm việc ngày 02/4/2019 tại Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Lục Nam bà (Nguyễn Thị B) đã thống nhất bà còn nợ anh P 212.427.000đ tiền nhân công. Nhưng vì do phía anh P chưa bàn giao cho bà phần diện tích rừng cụ thể và còn nhiều vấn đề khác bà đã có đơn tố cáo đến Công an huyện Lục Nam và khởi kiện tại Toà án huyện Lục Nam nhưng bà lại rút đơn tại Toà án, còn công huyện Lục Nam đã trả lời không khởi tố vụ án. Nay ông P khởi kiện đòi bà 212.427.000đ

tiền gốc còn nợ và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật, kể từ ngày cam kết trả nợ 02/4/2019 đến ngày xét xử vụ án bà không đồng ý, vì khoản tiền này theo bà được biết thì ông G đã thanh toán trả hết cho ông P, bà sẽ cung cấp tài liệu về việc thanh toán sau. Việc tranh chấp này không liên quan gì đến các con bà.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. *Chị Bùi Thị D*, mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý, giao các thủ tục tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật, nhưng chị D vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. *Anh Bùi Văn T*, mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý, giao các thủ tục tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh T vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông Đào Viết P có mặt giữ nguyên yêu cầu trên và trình bày thêm, ông là người trực tiếp hợp đồng bằng miệng trồng rừng cho ông G, ông đã thuê một số người trông cùng ông, ông đã ứng tiền của cá nhân trả cho họ xong, nay trách nhiệm bà B phải trả tiền nhân công trông rừng còn nợ, cùng tiền lãi suất cho ông, không liên quan gì đến những người khác. Bà Nguyễn Thị B do bà Nguyễn Thị Nhật L đại diện theo uỷ quyền có mặt giữ nguyên yêu cầu trên. Chị D, anh T vắng mặt, mặc dù đã được toà án thông báo phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai.

Luật sư Bùi Thị T: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P, buộc bà B có trách nhiệm thanh toán trả ông P 212.427.000đ tiền nhân công còn nợ và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 02/4/2019 đến ngày xét xử vụ án.

Luật sư Giáp Văn Đ: Việc bà B nhận nợ thay ông G không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của bà B với ông P. Vì ông G giao kết hợp đồng với ông P với tư cách là giám đốc Công ty TNHH Bền Giang, nên bà B không có tư cách gì để thay ông G được.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết, các đương sự trong suốt quá giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay ông P, bà B do bà L đại diện theo uỷ quyền đều có mặt. Chị D, anh T vắng mặt, mặc dù đã được toà án thông báo phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai. Hướng đề xuất: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị áp dụng các Điều 26, 35, 147, 227, 228, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 275, 276, 280, 357, 513, 514, 519 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Viết P. Buộc bà Nguyễn Thị B phải có trách nhiệm thanh toán trả ông Đào Viết P 212.427.000đ tiền gốc và 114.120.000đ tiền lãi suất; tổng cộng cả gốc và lãi suất là 326.547.000đ (Ba trăm hai sáu triệu năm trăm bốn bảy nghìn đồng). Ngoài ra còn đề nghị tuyên lãi suất chậm trả, vấn đề thi hành án, xử lý tiền án phí, tuyên quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Đào Viết P, khởi kiện đòi tiền thuê trồng rừng trong hợp đồng dịch vụ, thoả thuận miệng thuê trồng rừng đối với bà Nguyễn Thị B nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nội dung: Ông P yêu cầu bà B phải thanh toán trả ông P tiền gốc và lãi suất. Như vậy xác định được đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dịch vụ, phạm vi khởi kiện là đòi lại tiền gốc và lãi suất, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay ông P, bà B do bà L đại diện theo uỷ quyền đều có mặt. Chị D, anh T đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai. Nên HĐXX căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xuất phát từ quan hệ quen biết, nên năm 2008 ông Bùi Văn G, chồng bà Nguyễn Thị B có hợp đồng bằng miệng thuê ông Đào Viết P trồng rừng, thuộc tiểu khu Tam Dị và Đông Phú, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, do ông G nhận khoán của Công ty TNHH một thành viên Lâm Nghiệp Lục Nam. Năm 2017 giữa ông G và ông P đã xảy ra tranh chấp về việc chi trả tiền thuê khoán lao động trồng rừng và có nhờ Công ty TNHH một thành viên Lâm Nghiệp Lục Nam làm trung gian giải quyết (BL 04, 05, 35). Tại Biên bản làm việc ngày 31/10/2017 và Biên bản ngày 02/4/2018 trước sự chứng kiến của đại diện Công ty TNHH một thành viên Lâm Nghiệp Lục Nam, ông G và ông P xác định, ông G còn nợ ông P 212.427.000đ tiền nhân công lao động trồng rừng. Ngày 15/9/2018 ông Bùi Văn G chết, bà Nguyễn Thị B tiếp tục thực hiện công việc thay ông G (BL 04, 05, 06, 07, 35). Tại Biên bản làm việc ngày 02/4/2019 trước sự chứng kiến của đại diện Công ty TNHH một thành viên Lâm Nghiệp Lục Nam, bà Nguyễn Thị B đã thống nhất, xác định bà B còn nợ ông P 212.427.000đ tiền nhân công lao động trồng rừng (BL 08, 32, 51). Quá trình xác minh với Công ty TNHH một thành viên Lâm Nghiệp Lục Nam được biết, Công ty TNHH một thành viên Lâm Nghiệp Lục Nam là người trung gian trực tiếp lập biên bản ghi nhận lại những vấn đề các bên đã thoả thuận được và những vấn đề các bên chưa thoả thuận được như Biên bản làm việc ngày 31/10/2017, Biên bản ngày 02/4/2018 và Biên bản làm việc ngày 02/4/2019 là đúng (BL 35). Như vậy xác định được việc thoả thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, đây là chứng cứ không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Về yêu cầu đòi tiền nợ gốc nhân công thuê trồng rừng: Số tiền nợ gốc 212.427.000đ ông P khởi kiện, được bà B thừa nhận, nhưng bà B cho rằng ông G đã trả cho ông P hết số tiền nhân công còn nợ trên. Tại Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 32/2024/QĐ-CCTLCC ngày 20/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã yêu cầu bà Nguyễn Thị B cung cấp “*Toàn bộ tài liệu chứng cứ, về việc ông Bùi Văn G đã thanh toán trả số tiền 212.427.000đ cho ông Đào Viết P, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang*” trong thời hạn 15 ngày (BL 52).

Tuy nhiên đến nay bà B vẫn chưa cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh về việc đã trả tiền. Nên yêu cầu khởi kiện đòi số nợ gốc của ông P là có căn cứ cần chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu đòi lãi suất của số tiền nhân công còn nợ: Tại Biên bản làm việc ngày 02/4/2019 trước sự chứng kiến của đại diện Công ty TNHH một thành viên Lâm Nghiệp Lục Nam, bà B đã ký nhận và cam kết sẽ có trách nhiệm thanh toán trả ông P số tiền nhân công còn nợ là 212.427.000đ, nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán. Do vậy để đảm bảo kịp thời trong việc thanh toán tiền công, tiền lương cho người lao động nói chung và trả tiền nhân công lao động cho ông P nói riêng. Cần buộc bà Nguyễn Thị B phải có trách nhiệm thanh toán trả ông Đào Việt P tiền lãi suất của khoản tiền nhân công còn nợ, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của người lao động. Cần áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là phù hợp, lãi suất được tính cụ thể như sau:

[2.3.1] Từ ngày 02/4/2019 đến ngày 16/8/2024 là 05 năm, 04 tháng 14 ngày. Lãi suất cụ thể $212.427.000đ \times 10\%/năm \times 05 \text{ năm } 04 \text{ tháng } 14 \text{ ngày} = 114.120.000đ$.

[2.4] Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Việt P. Buộc bà Nguyễn Thị B phải có trách nhiệm thanh toán trả ông Đào Việt P 212.427.000đ tiền gốc và 114.120.000đ tiền lãi suất; tổng cộng cả gốc và lãi suất là 326.547.000đ (Ba trăm hai sáu triệu năm trăm bốn bảy nghìn đồng). Xét là phù hợp Điều 275, 276, 280, 513, 514, 519 Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên lẽ ra bà Nguyễn Thị B phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng vì bà B là người cao tuổi nên miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà B. Hoàn trả ông P tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 227, 228, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 275, 276, 280, 357, 513, 514, 519 Bộ luật Dân sự 2015. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đào Việt Phương. Buộc bà Nguyễn Thị B phải có trách nhiệm thanh toán trả ông Đào Việt P 212.427.000đ tiền gốc và 114.120.000đ tiền lãi suất; tổng cộng cả gốc và lãi suất là 326.547.000đ (Ba trăm hai sáu triệu năm trăm bốn bảy nghìn đồng).

2. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị B. Hoàn trả ông Đào Việt P 7.966.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007507 ngày 17/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành, mà người phải thi hành án không thi hành, hoặc thi hành chưa xong; thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Lạng Giang
- Chi cục THA huyện Lạng Giang
- Các đương sự
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Thân Trọng Khôi